BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Số: 218 /QĐ-ĐHTBD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐT-ĐHTBD ngày 17/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thái Bình Dương về việc cập nhật Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-HĐT-ĐHTBD ngày 05/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thái Bình Dương về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-ĐHTBD ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-ĐHTBD ngày 17/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học năm 2026; Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-ĐHTBD ngày 26/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27/5/2026 về công tác xét tuyển sinh năm 2026 của Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học năm 2026.

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm 2026 của Trường Đại học Thái Bình Dương.

Điều 2. Thông tin tuyển sinh sẽ được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung khi có thông tin mới và được công bố theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Hội đồng Tuyển sinh trình độ đại học năm 2026, Trưởng phòng Tuyển sinh và Truyền thông và trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- HĐT (để b/cáo);
- HĐTS TĐĐH;
- Lưu VT, P.TSTT.

HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS. Hồ Thanh Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy, Liên thông Đại học chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (CSĐT): Trường Đại học Thái Bình Dương

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: TBD

3. Địa chỉ trụ sở chính: 79 đường Mai Thị Dõng, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của CSĐT: https://tbd.edu.vn/

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): https://tbd.edu.vn/cong-khai/

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0258 3727 147

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...): https://tbd.edu.vn/cong-khai/

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Tuyển sinh đại học chính quy

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.

Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khoẻ.

Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026, nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học (điều kiện để đăng kí xét tuyển đối với tất cả các phương thức) là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi, kỳ thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (không tính điểm ưu tiên, điểm cộng được quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT (sau đây gọi tắt là Quy chế) nhưng không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét

tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, đ), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế.

Trong trường hợp thí sinh không dự thi tốt nghiệp mà có các tổ hợp xét tuyển khác, bắt buộc phải có môn Toán, môn Văn và một môn khác đạt 15 điểm (theo thang điểm 30) chưa bao gồm điểm ưu tiên và điểm cộng, mới đủ điều kiện xét tuyển học bạ.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

Trường xét tuyển dựa trên các phương thức sau:

1. PTXT 100 - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia
2. PTXT 200 - Kết quả học tập THPT (học bạ)*
3. PTXT 301 - Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
4. PTXT 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT tại nước ngoài
5. PTXT 500 - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT kết hợp năng lực khác*

Lưu ý:

1. Phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ), mã PTXT 200 bao gồm:

- Xét tuyển dựa trên học lực trung bình 06 học kì (cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12);

- Xét tuyển dựa trên tổ hợp xét tuyển 03 môn bằng kết quả học tập THPT (cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12)

2. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT kết hợp năng lực khác, mã PTXT 500 thực hiện theo hai bước:

- Bước 1: Sơ tuyển với (1) Tổng điểm trung bình (ĐTB) 05 học kỳ (cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) từ 18 điểm trở lên; hoặc (2) Tổng điểm theo tổ hợp 3 môn của học kỳ 1 lớp 12 từ 18 điểm trở lên.

- Bước 2: Thí sinh đạt sơ tuyển và được xét tuyển chính thức bằng một trong các điều kiện sau:

- Dựa trên điểm xét tốt nghiệp THPT (xác định bằng mức điểm ghi trên giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời);
- Dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG Tp.HCM);
- Dựa trên chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (thí sinh xét tuyển đầu vào bằng chứng chỉ ngoại ngữ nào bắt buộc phải đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra tương tự. Ví dụ: Thí sinh A xét tuyển đầu vào bằng Tiếng Anh, khi xét tốt nghiệp đầu ra vẫn phải xét bằng năng lực Tiếng Anh).
- Dựa trên thành tích khác như: đạt giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi học sinh giỏi, khoa học kỹ thuật, văn hoá, văn nghệ, thể thao,... từ cấp tỉnh trở lên.
- Kỳ sơ tuyển thực hiện từ ngày 02/01/2026 đến hết 30/6/2026. Sau thời gian này, thí sinh chỉ cần thực hiện đăng ký xét tuyển chính thức tại bước 2 (không cần thực hiện sơ tuyển tại bước 1).

- Đối với thí sinh tốt nghiệp bậc trung cấp dự chương trình đào tạo đại học chính quy đại trà: Nhà trường xét tuyển dựa trên bằng, bảng điểm tốt nghiệp THPT (tương đương).

1.3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển tương ứng từng phương thức, áp dụng với thí sinh khu vực 3 như sau:

- PTXT 100: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT, thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường. Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026 mức đảm bảo chất lượng đầu vào là từ 15,0 điểm (theo thang điểm 30).
- PTXT 200: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT, điểm cộng theo từng trường hợp từ 18,0 điểm trở lên (theo thang điểm 30).
- PTXT 301: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của một trong các PTXT khác của Trường Đại học Thái Bình Dương.
- PTXT 411: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT của thí sinh trung bình từ 15,0 điểm trở lên (theo thang điểm 30).
- PTXT 500: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT kết hợp năng lực khác, thực hiện theo hai bước:
  + Bước 1: Sơ tuyển với (1) Tổng điểm trung bình (ĐTB) 05 học kỳ (cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) từ 18 điểm trở lên; hoặc (2) Tổng điểm theo tổ hợp 3 môn của học kỳ 1 lớp 12 từ 18 điểm trở lên.
  + Bước 2: Thí sinh cần đạt sơ tuyển và được xét tuyển chính thức bằng một trong các điều kiện sau:
    - Dựa trên điểm xét tốt nghiệp THPT (xác định bằng mức điểm ghi trên giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời) từ 5,5 điểm (Theo thang điểm 10);
    - Dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG Tp.HCM từ 550 điểm (Theo thang điểm 30);
    - Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (Thí sinh xét tuyển đầu vào bằng chứng chỉ ngoại ngữ nào bắt buộc phải đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra tương tự. Ví dụ: Thí sinh A xét tuyển đầu vào bằng Tiếng Anh, khi xét tốt nghiệp đầu ra vẫn phải xét bằng năng lực Tiếng Anh).
    - Đạt thành tích khuyến khích trở lên trong các cuộc thi học sinh giỏi, khoa học kỹ thuật, văn hoá, văn nghệ, thể thao,… từ cấp tỉnh trở lên.

- Điểm trúng tuyển

Điểm trúng tuyển được xác định bằng điểm xét tuyển cộng với điểm ưu tiên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) và Trường Đại học Thái Bình

Dương. Nhà trường sẽ ban hành các quy định về quy đổi tương đương điểm xét tuyển giữa các phương thức xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong đó:

- Quy đổi tương đương điểm PTXT 100 và 200/411: Theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
- Quy đổi tương đương điểm PTXT 500 - Điểm đánh giá năng lực và 100: Theo kết quả và phân tích điểm từ ĐHQG Tp.HCM
- Quy đổi tương đương điểm PTXT 500 - Điểm xét tốt nghiệp THPT và 100: Nhà trường ban hành sau khi có kết quả phổ điểm thi THPT của năm 2026.

1.4. Số lượng tuyển sinh

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7210403	Thiết kế đồ hoạ	7210403	Thiết kế đồ họa	65	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN)	
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	75	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN)	
3	7310205	Quản lý nhà nước	7310205	Quản lý nhà nước	20	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **200** - Kết quả học tập THPT (học	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						bạ) (TH3M, HB6HK) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN)	
4	7310608	Đông Phương học	7310608	Đông Phương học	80	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN)	
5	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	59	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN)	
6	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	75	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						200 - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN)	
7	7340115	Marketing	7340115	Marketing	55	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN)	
8	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	45	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
9	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	25	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						(NL1) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN)	
10	7380101	Luật	7380101	Luật	54	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
11	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	25	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
12	7480107	Trí tuệ nhân tạo	7480107	Trí tuệ nhân tạo	25	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
13	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN)	
14	7510605	Logictics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	54	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
15	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	75	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
16	7810201	Quản trị khách sạn	7810201	Quản trị khách sạn	75	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
17	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	30	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
18	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	50	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
19	7229042	Quản lý văn hóa	7229042	Quản lý văn hóa	30	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U02) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
20	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	25	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
21	7420204	Khoa học y sinh	7420204	Khoa học y sinh	30	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U10, U11, U12) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	
22	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Dự kiến 100	**100** - Kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (U01, U10, U11, U12) **411** - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (TNNN) **200** - Kết quả học tập THPT (học	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						bạ) (HB6HK, TH3M) **301** - Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (XTT) **500** - Điểm xét tốt nghiệp THPT; và các PTXT khác (XetTN) **402** - Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM (NL1)	

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trường Đại học Thái Bình Dương không áp dụng các điều kiện phụ trong xét tuyển.

b. Điểm cộng

Trường Đại học Thái Bình Dương không áp dụng cơ chế điểm cộng xét tuyển. Chỉ xét điểm ưu tiên theo: Khu vực Ưu tiên và Đối tượng Ưu tiên, được quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Thái Bình Dương.

c. Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

Trường Đại học Thái Bình Dương không tuyển sinh theo nhóm ngành.

1.6. Tổ chức tuyển sinh

1.6.1. Thời gian tuyển sinh

- Tuyển sinh trình độ đại học, hình thức chính quy tập trung:

- Đợt 1:

  + Sơ tuyển: từ ngày 02/01/2026 đến hết 30/6/2026.

  + Xét tuyển chính thức: theo lịch chung của Bộ GD&ĐT.

- Đợt 2 (nếu còn chỉ tiêu): Dự kiến từ 01/9/2026.
- Đợt 3 (nếu còn chỉ tiêu): Dự kiến từ 01/10/2026.

1.6.2. Hình thức đăng ký xét tuyển

- *Đăng ký xét tuyển trực tuyến:* tại website tuyển sinh của Trường: http://tuyensinh.tbd.edu.vn/.

- *Đăng ký xét tuyển qua bưu điện*: thí sinh hoàn tất hồ sơ gửi về Phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Thái Bình Dương (Số 79 Mai Thị Dõng, phường Tây Nha Trang, Khánh Hòa). Bìa thư ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển.

- *Đăng ký xét tuyển trực tiếp:* tại Phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Thái Bình Dương (Số 79 Mai Thị Dõng, phường Tây Nha Trang, Khánh Hòa).

- Zalo: 0886433379

- Hotline tư vấn tuyển sinh: 0886 433 379 | (0258) 3727 147

- Email: tuyensinh@tbd.edu.vn

1.7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh (xét tuyển, thi tuyển)

Trường miễn lệ phí xét với các thí sinh dự tuyển trình độ đại học, hình thức chính quy tập trung (đại trà).

1.9. Học phí với sinh viên chính quy

Nhà trường cam kết cố định học phí toàn khóa học. Dưới đây là bảng học phí toàn khoá theo trình độ đào tạo:

Hình thức đào tạo	Ngành học	Học phí /tín chỉ (đồng)	Số lượng tín chỉ/ngành	Học phí toàn khoá (đồng)
Trình độ Đại học, hình thức chính quy (ĐHCQ) *Cử nhân – Chương trình tiêu chuẩn*	Luật	740.000	140	103.600.000
	Điều dưỡng	1.250.000	140	175.000.000
	Các ngành (còn lại)	740.000	130	96.200.000
ĐHCQ *Cử nhân – Chương trình Chất lượng cao*	Tất cả các ngành (Học 100% tiếng Anh)	1.400.000	130	182.000.000
ĐHCQ *Cử nhân – Chương trình Tài năng*	Tất cả các ngành	1.600.000	130	208.000.000

1.10. Hồ sơ nhập học

Đối với thí sinh tốt nghiệp trong nước:

- Một (01) bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT;

- Một (01) bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời;

Hoặc bản sao* bằng tốt nghiệp THPT;

- Một (01) bản sao* học bạ cấp THPT;

- Một (01) bản sao* căn cước công dân;

- Hai (02) ảnh màu cỡ 3x4cm (Ghi họ tên, mã hồ sơ, ngày sinh mặt sau ảnh);

- Một (01) bản sao* chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; giấy tờ về đối tượng ưu tiên (nếu có);

- Các giấy tờ khác: Giấy khám sức khoẻ, Bảo hiểm y tế, Bằng và Bảng điểm Trung cấp, Cao đẳng, Đại học; Sổ Đoàn viên, Đảng viên (nếu có).

(*) Các bản sao cần có công chứng hoặc mang theo bản chính để đối chiếu.

Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài:

- Một (01) bản sao (dịch thuật công chứng) bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương *;
- Một (01) bản sao (dịch thuật công chứng) bảng điểm/Giấy chứng nhận kết quả học tập: Bảng điểm chi tiết trong thời gian học tại các cơ sở giáo dục trước đó*;
- Một (01) bản sao các chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có);
- Một (01) giấy báo nhập học của Trường Đại học Thái Bình Dương;
- Một (01) bản sao hộ chiếu còn hiệu lực, bao gồm trang thông tin cá nhân và trang có visa (nếu có);
- Một (01) bản sao visa du học;
- Một (01) đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu của Nhà trường);
- Hai (02) ảnh màu cỡ 3x4cm hoặc 4x6cm (chụp không quá 6 tháng, ghi rõ họ tên ngày sinh sau ảnh);
- Các giấy tờ bổ sung khác (nếu có): Bằng tốt nghiệp và bảng điểm Trung cấp/Cao đẳng/Đại học hoặc tương đương, Giấy khám sức khỏe, Bảo hiểm y tế, Lý lịch tư pháp,....

(*) Lưu ý:

- *Lưu học sinh có bằng THPT và Trung cấp: Bằng cấp phải được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hoà công nhận.*
- *Lưu học sinh có bằng Cao đẳng và Đại học: Bằng cấp phải được Bộ GD&ĐT Việt Nam công nhận.*
- *Lưu học sinh nộp kèm bảng điểm/giấy chứng nhận kết quả học tập tại các cơ sở giáo dục trước đó để đề nghị xét miễn giảm các môn học tương đương khi theo học tại Trường Đại học Thái Bình Dương (quá trình này nhằm đảm bảo rằng lưu học sinh không phải học lại các môn học đã hoàn thành ở mức độ tương đương hoặc cao hơn tại nước ngoài).*

1.11. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường Đại học Thái Bình Dương cam kết thực hiện công tác tuyển sinh một cách công bằng, hợp pháp và đảm bảo quyền lợi cao nhất của thí sinh. Trong các trường hợp xảy ra các tình huống đặc biệt sẽ tuân thủ và giải quyết theo Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non và các quy định pháp luật liên quan hiện hành.

- Đối với các tình huống thí sinh có khiếu nại, thắc mắc: Ban Giám hiệu, thường trực Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường sẵn sàng đối thoại trực tiếp và giải quyết để đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh dự tuyển vào Trường.

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

Nhằm đảm bảo bảo mật thông tin xét tuyển của thí sinh, Nhà trường xây dựng hệ thống tra cứu kết quả xét tuyển tại địa chỉ https://tbd.edu.vn/tra-cuu/. Thí sinh sử dụng mã hồ sơ xét tuyển (được gửi qua SMS, Zalo, Email) được gửi vào các đợt thông báo để tra cứu kết

quả xét tuyển sớm, xét tuyển chính thức. Nhà trường sẽ xóa dữ liệu tra cứu kết quả xét tuyển vào ngày 31/12 hàng năm.

Nhà trường không hoàn lại phí, lệ phí trong bất kì trường hợp nào. Chi tiết quy định hoàn trả học phí, hồ sơ xem tại: https://tbd.edu.vn/danh-muc/thong-bao/.

1.13. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	
1	7210403	Thiết kế đồ hoạ	7210403	Thiết kế đồ họa	100	50	54	15	60	51	15	
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	100	37	15	75	28	15	
3	7310205	Quản lý nhà nước	7310205	Quản lý nhà nước	100	Ngành mở từ 2025			20	8	15	
4	7310608	Đông Phương học	7310608	Đông phương học	100	100	74	15	75	71	15	
5	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	100	75	45	15	55	45	15	
6	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	100	150	38	15	75	59	15	
7	7340115	Marketing	7340115	Marketing	100	75	38	15	50	46	15	
8	7340120	Kinh doanh Quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	100	Không tuyển sinh 2024			Không tuyển sinh 2025			
9	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	100	16	15	45	36	15	
10	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	100	100	19	15	25	16	15	
11	7380101	Luật	7380101	Luật	100	150	39	15	50	42	15	
12	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	100	25	16	15	25	0	15	
13	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	300	61	15	100	91	15	
14	7480207	Trí tuệ nhân tạo	7480207	Trí tuệ nhân tạo	100	15	17	15	25	0	15	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	
15	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	100	75	19	15	50	41	15	
16	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	100	200	36	15	75	64	15	
17	7810201	Quản trị khách sạn	7810201	Quản trị khách sạn	100	100	38	15	75	66	15	
18	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	100	Ngành mở từ 2026						
19	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	100	Ngành mở từ 2026						
20	7229042	Quản lý văn hóa	7229042	Quản lý văn hóa	100	Ngành mở từ 2026						
21	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	100	Ngành mở từ 2026						
22	7420204	Khoa học y sinh	7420204	Khoa học y sinh	100	Ngành mở từ 2026						
23	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	100	Ngành mở từ 2026						

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, hình thức chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Ngành Ngôn ngữ Anh: Thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên tất cả các ngành, các loại hình chính quy, vừa làm vừa học (VLVH), từ xa ...

- Các ngành khác: Thí sinh có bằng tốt nghiệp Trung cấp (TC), Cao đẳng (CĐ) trở lên tất cả các ngành; các loại hình chính quy, vừa học vừa làm, từ xa...

2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

Trường xét tuyển dựa trên chứng chỉ, bảng điểm Trung cấp, Cao đẳng, Đại học.

2.3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào

Điều kiện tiên quyết không có môn xét tuyển nào thấp hơn 5 điểm (thang điểm 10)

- Điểm trúng tuyển

Điểm trúng tuyển được xác định bằng điểm xét tuyển cộng với điểm ưu tiên theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Thái Bình Dương.

2.4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành[5]	Tên ngành, nhóm ngành[6]	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	75	500: xét tuyển dựa trên bằng và bảng điểm Đại học	
2	7380101	Luật	7380101	Luật	50	500: xét tuyển dựa trên bằng và bảng điểm Trung cấp/Cao đẳng/Đại học	

2.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trường Đại học Thái Bình Dương không áp dụng các điều kiện phụ trong xét tuyển.

b. Điểm cộng:

Trường Đại học Thái Bình Dương không áp dụng cơ chế điểm cộng xét tuyển. Chỉ xét điểm ưu tiên theo: Khu vực Ưu tiên và Đối tượng Ưu tiên, được quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Thái Bình Dương.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành):

Trường Đại học Thái Bình Dương không tổ chức tuyển sinh theo nhóm ngành.

d. Các thông tin khác...

Tổ hợp môn xét tuyển tương ứng từng ngành như sau:

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Môn xét tuyển		
			Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Chính trị	Chuyên ngành	Ngoại ngữ hoặc Tin học
2	7380101	Luật			

Xét trúng tuyển dựa vào bảng điểm bậc trung cấp hoặc cao đẳng trở lên với tổng điểm 03 môn xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Trong đó:

- Môn 1: Lựa chọn 1 trong các môn học chính trị.

- Môn 2: Lựa chọn 1 trong các môn học chuyên ngành.

- Môn 3: Lựa chọn 1 trong các môn học Ngoại ngữ hoặc Tin học.

- Trường hợp thí sinh có các chứng chỉ Ngoại ngữ hoặc Tin học khác để chứng minh trình độ Ngoại ngữ hoặc Tin học thì được quy đổi điểm xét tuyển như sau:

- Quy đổi chứng chỉ Tin học thay cho môn xét tuyển số 3:

Stt	Chứng chỉ	Điểm quy đổi xét tuyển	Ghi chú
1	Ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản	5	Đơn vị được cấp chứng chỉ do Bộ quy định
2	Ứng dụng CNTT nâng cao	6	
3	Tin học văn phòng MOS	7	Microsoft
4	Bằng TC thuộc khối ngành Tin học, CNTT	8	
5	Bằng CĐ thuộc khối ngành Tin học, CNTT	9	
6	Bằng ĐH thuộc khối ngành Tin học, CNTT	10	

- Quy đổi chứng chỉ Ngoại ngữ thay cho môn xét tuyển số 3:

Stt	Chứng chỉ					Điểm quy đổi xét tuyển
	Trình độ theo QĐ số 177 (*)	Khung 6 bậc Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu	TOEFL iBT	IELTS	
1	Trình độ A	Bậc 1	A1			5
2	Trình độ B	Bậc 2	A2		3.0	6
3	Trình độ C	Bậc 3	B1	45	3.5 - 4.0	7
4	CĐ tiếng Anh	Bậc 4	B2	61	5.0	8
5	ĐH tiếng Anh	Bậc 5	C1	80	6.0	9
6		Bậc 6	C2	100	7.0 - 7.5	10

(*) Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ GD&ĐT quy định chương trình tiếng Anh thực hành ABC.

2.6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

2.6.1. Thời gian tuyển sinh

Tuyển sinh liên tục trong cả năm, tuỳ tình hình mở lớp Trường sẽ ra thông báo xét tuyển các đợt như dự kiến hoặc thay đổi cho phù hợp.

Các đợt dự kiến:

- Đợt 1: Tháng 06/2026.
- Đợt 2: Tháng 09/2026.
- Đợt 3: Tháng 12/2026.

2.6.2. Hình thức đăng ký xét tuyển

- *Đăng ký xét tuyển trực tuyến:* tại website tuyển sinh của Trường: http://tuyensinh.tbd.edu.vn/.

- *Đăng ký xét tuyển qua bưu điện*: thí sinh hoàn tất hồ sơ gửi về Phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Thái Bình Dương (Số 79 Mai Thị Dõng, phường Tây Nha Trang, Khánh Hòa). Bìa thư ghi rõ: Hồ sơ xét tuyển.

- *Đăng ký xét tuyển trực tiếp:* tại Phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Thái Bình Dương (Số 79 Mai Thị Dõng, phường Tây Nha Trang, Khánh Hòa).

- Zalo: 0886433379

- Hotline tư vấn tuyển sinh: 0886 433 379 | (0258) 3727 147

- Email: tuyensinh@tbd.edu.vn

2.7. Chính sách ưu tiên

Theo quy định hiện hành.

2.8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí 500.000 đồng/hồ sơ.

2.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường Đại học Thái Bình Dương cam kết thực hiện công tác tuyển sinh một cách công bằng, hợp pháp và đảm bảo quyền lợi cao nhất của thí sinh. Trong các trường hợp xảy ra các tình huống đặc biệt sẽ tuân thủ và giải quyết theo Quy chế Tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định pháp luật liên quan hiện hành.

- Đối với các tình huống thí sinh có khiếu nại, thắc mắc: Ban Giám hiệu, thường trực Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường sẵn sàng đối thoại trực tiếp và giải quyết để đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh dự tuyển vào Trường.

2.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

Nhằm đảm bảo bảo mật thông tin xét tuyển của thí sinh, Nhà trường xây dựng hệ thống tra cứu kết quả xét tuyển tại địa chỉ https://tbd.edu.vn/tra-cuu/. Thí sinh sử dụng mã hồ sơ xét tuyển (được gửi qua SMS, Zalo, Email) được gửi vào các đợt thông báo để tra cứu kết quả xét tuyển chính thức. Nhà trường sẽ xóa dữ liệu tra cứu kết quả xét tuyển vào ngày 31/12 hàng năm.

Nhà trường không hoàn lại phí, lệ phí trong bất kì trường hợp nào. Chi tiết quy định hoàn trả học phí, hồ sơ xem tại: https://tbd.edu.vn/danh-muc/thong-bao/.

2.11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	500	100	94	15	75	49	15	
2	7380101	Luật	7380101	Luật	500	75	27	15	50	15	15	

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 5 năm 2026

Cán bộ kê khai

Nguyễn Thành Hưng
Trưởng phòng
Phòng Tuyển sinh và Truyền thông
SĐT: 0961660009 | Email: hung.nt@tbd.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS. Hồ Thanh Phong

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
THAI BINH DUONG UNIVERSITY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

APPLICATION FORM FOR UNDERGRADUATE ADMISSION 2026
(For International Students)

Full name (in capital letters): .....
Date of Birth:..... Gender:.....
Place of Birth:.....
Nationality:.....
Passport No.:..... Date of Issue:.....
Place of Issue:.....
Permanent Address (outside Vietnam):.....
Phone number:..... Email:.....

I hereby apply for admission to the following program at Thai Binh Duong University:
☐ Full-time undergraduate
Major.....
Specialization (if any):.....

Current Vietnamese language proficiency level:
☐ Beginner ☐ Intermediate ☐ Advanced ☐ Certified (please specify):.....

Educational Background:
Name of high school graduated from:.....
Year of graduation:.....
Language of instruction: ☐ English ☐ French ☐ Other (please specify):.....

Attached Documents (required):
☐ High school diploma*
☐ Academic transcript*
☐ Vietnamese language certificate (if available)
☐ ID photos (3x4cm or 4x6cm)
☐ Criminal record
☐ Others:.....

I hereby certify that all information provided above is true and accurate. I take full responsibility for any false declaration.

(*)
- For students holding a High School or Vocational diploma: The degree must be recognized by the Department of Education and Training.
- For students holding a College or University diploma: The degree must be recognized by the Ministry of Education and Training of Vietnam.
- Academic transcripts/certificates (with certified translation) from previous institutions should be submitted along with this application for credit transfer consideration. This process ensures that students will not be required to retake courses that have already been completed at an equivalent or higher level abroad.

Date:..... 2026
APPLICANT
(Signature and full name)